

**BẢN TIN TUẦN 17**

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi  
Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

(ngày lấy mẫu 24-25/05/2023)

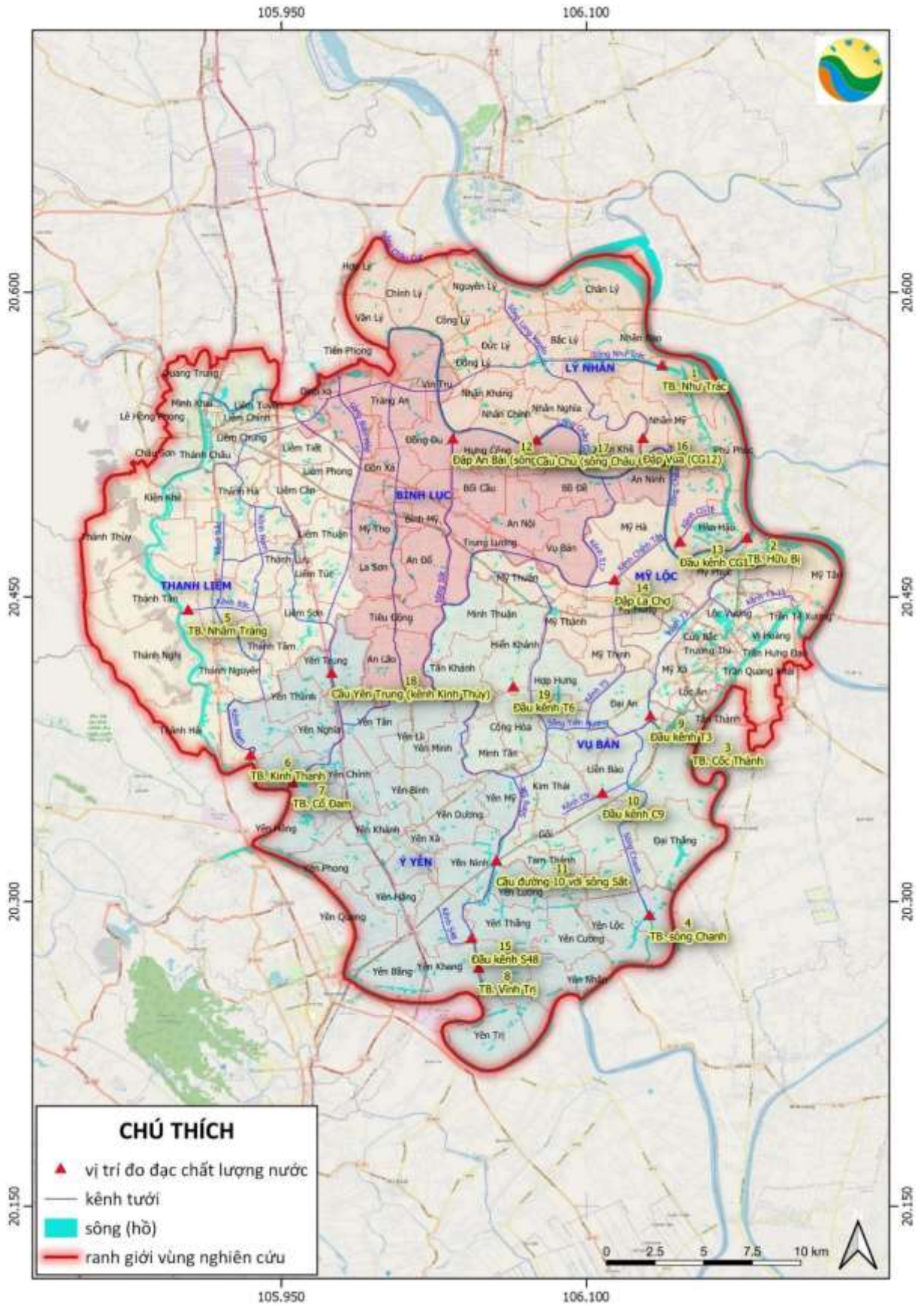
**I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 24 đến ngày 30/05/2023**

**1. Vị trí giám sát**

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cỏ Đam		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí lấy mẫu</b>	<b>Nguồn/Sông</b>	<b>Lý do xác định vị trí lấy mẫu</b>
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	Đầu kênh CG16		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu
14	Đập La Chợ		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

# BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2023



### 1. Thông tin lúc giám sát

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
1	1	Cống Như Trác	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 52%, gió Nam 19 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh lục.	Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
2	2	Cống Hữu Bị	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 45%, gió Nam 13 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy vừa, cống mở, đang tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động.
3	3	Cống Cốc Thành	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 67%, gió TB 5 km/h. Trên mặt nước có bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy vừa. Cống mở tiêu nước ra sông.
4	4	Cống sông Chanh	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 33%, gió Nam 9 km/h. Nước màu vàng lục. Trên mặt nước có bèo trôi.	Dòng chảy chậm, cống mở đang tiêu nước ra sông.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 90%, gió TB 17 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
6	6	Cống Kinh Thanh	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 95%, gió TB 17 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
7	7	Cống Đam Cỏ	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 95%, gió TB 17 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Nước màu vàng lục. Hạ lưu cống có bèo.	Dòng chảy vừa. Cống mở tiêu nước ra sông, trạm bơm không hoạt động.
9	9	Đầu kênh T3	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Trên mặt nước có bèo trôi. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng về phía Cốc Thành.
10	10	Đầu kênh C9	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, nước đứng.
11	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Trên mặt nước có bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm về hướng Vĩnh Trị.

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
12	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió Nam 15 km/h. Nước màu vàng lục. Hạ lưu cống dày đặc bèo.	Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao hơn.
13	13	Đầu kênh CG16	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 46%, gió Nam 16 km/h. Mực nước cạn. Nước màu vàng đục.	Không có dòng chảy, cống đóng.
14	14	Đập La Chợ	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 44%, gió Nam 13 km/h. Nước màu vàng đục.	Dòng chảy chậm hướng vào nội đồng.
15	15	Đầu kênh S48	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng ra sông Sắt, mực nước thấp.
16	16	Đập Vùa (CG12)	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 52%, gió Nam 19 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy. Đập đóng. Mực nước sông Châu Giang thấp hơn nội đồng.
17	17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió Nam 15 km/h. Trên sông và 2 bên bờ sông có bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị.
18	18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 89%, gió TB 17 km/h. Trên kênh có bèo trôi. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm về phía Cổ Đam.
19	19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, nước đứng.
20	20	Đầu kênh T6	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 44%, gió Nam 13 km/h. Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng đục.	Dòng chảy chậm về ngã ba sông Tiên Hương.

## 2. Kết quả đo đạc

Số liệu sẽ so sánh với đợt giám sát trước đó (Đ1T5 năm 2023) và cùng kỳ năm ngoái (Đ2T5 năm 2022).

### a. Chỉ tiêu DO

TT	Tên vị trí giám sát	Đ2T5/2023	Đ1T5/2023	Đ2T5/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	5,190	5,420	4,800	5,137
2	Cống Hữu Bị	5,490	5,200	4,910	5,200
3	Cống Cốc Thành	5,700	5,400	4,740	5,280
4	Cống sông Chanh	4,100	4,250	4,460	4,270
5	Cống Nhâm Tràng	4,720	4,840	4,890	4,817
6	Cống Kinh Thanh	5,800	4,990	4,550	5,113
7	Cống Cổ Đam	4,970	4,730	4,680	4,793
8	Cống Vĩnh Trị	5,320	4,400	4,940	4,887
9	Đầu kênh T3	4,300	4,390	4,880	4,523
10	Đầu kênh C9	5,100	4,600	4,180	4,627
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	5,500	4,260	4,920	4,893
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	5,610	4,560	4,480	4,883
13	Đầu kênh CG16	4,050	4,670		
14	Đập La Chợ	5,190	4,830	4,950	4,990
15	Đầu kênh S48	4,700	4,210	5,450	4,787
16	Đập Vùa (CG12)	4,790	4,410	4,830	4,677
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	4,500	4,400	4,360	4,420
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5,010	4,320	4,570	4,633
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	4,800	5,200	4,190	4,730
20	Đầu kênh T6	5,600	4,730	4,250	4,860
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		≥4	≥4	≥4	≥4

**b. Chỉ tiêu NO<sub>3</sub><sup>-</sup>**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí giám sát</b>	<b>Đ2T5/2023</b>	<b>Đ1T5/2023</b>	<b>Đ2T5/2022</b>	<b>Trung bình</b>
1	Cống Như Trác	1,013	1,170	3,465	1,883
2	Cống Hữu Bị	1,598	1,913	3,488	2,333
3	Cống Cốc Thành	2,835	0,720	2,385	1,980
4	Cống sông Chanh	1,530	2,858	4,275	2,888
5	Cống Nhâm Tràng	3,623	0,205	3,623	2,484
6	Cống Kinh Thanh	3,263	0,248	1,726	1,746
7	Cống Cổ Đam	2,385	0,923	0,968	1,425
8	Cống Vĩnh Trị	1,958	0,585	1,130	1,224
9	Đầu kênh T3	3,060	0,540	2,745	2,115
10	Đầu kênh C9	15,075	11,925	3,308	10,103
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	1,598	0,608	0,945	1,050
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,788	1,328	1,080	1,065
13	Đầu kênh CG16	1,463	1,463		
14	Đập La Chợ	2,295	0,563	4,073	2,310
15	Đầu kênh S48	4,635	0,608	2,178	2,474
16	Đập Vùa (CG12)	2,003	0,810	4,073	2,295
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,060	3,285	3,758	3,368
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1,935	0,968	0,923	1,275
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	11,475	6,750	3,555	7,260
20	Đầu kênh T6	1,395	0,833	2,655	1,628
<b>Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT</b>		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>

**c. Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub>**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí giám sát</b>	<b>Đ2T5/2023</b>	<b>Đ1T5/2023</b>	<b>Đ2T5/2022</b>	<b>Trung bình</b>
1	Cống Như Trác	15,300	13,800	13,600	14,233
2	Cống Hữu Bị	17,800	15,300	16,700	16,600
3	Cống Cốc Thành	15,500	18,500	17,700	17,233
4	Cống sông Chanh	21,900	24,500	23,500	23,300
5	Cống Nhâm Tràng	17,600	19,400	19,500	18,833
6	Cống Kinh Thanh	20,400	24,500	20,200	21,700
7	Cống Cổ Đàm	22,700	20,500	22,500	21,900
8	Cống Vĩnh Trị	20,300	22,900	17,500	20,233
9	Đầu kênh T3	21,900	16,900	22,400	20,400
10	Đầu kênh C9	25,400	28,800	21,900	25,367
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	21,900	25,900	17,400	21,733
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	24,700	21,900	25,700	24,100
13	Đầu kênh CG16	28,400	28,900		
14	Đập La Chợ	18,700	22,500	21,800	21,000
15	Đầu kênh S48	34,400	32,500	27,500	31,467
16	Đập Vùa (CG12)	27,900	30,900	32,700	30,500
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	30,500	33,900	32,500	32,300
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	20,800	23,800	23,700	22,767
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	23,900	27,500	24,700	25,367
20	Đầu kênh T6	23,800	27,900	23,500	25,067
<b>Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT</b>		<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>



**d. Chỉ tiêu NH<sub>4</sub><sup>+</sup>**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí giám sát</b>	<b>Đ2T5/2023</b>	<b>Đ1T5/2023</b>	<b>Đ2T5/2022</b>	<b>Trung bình</b>
1	Cống Như Trác	0,319	0,404	0,396	0,373
2	Cống Hữu Bị	0,466	0,365	0,404	0,412
3	Cống Cốc Thành	0,350	0,723	0,420	0,498
4	Cống sông Chanh	0,668	0,474	0,559	0,567
5	Cống Nhâm Tràng	0,559	0,295	0,210	0,355
6	Cống Kinh Thanh	0,808	0,443	0,396	0,549
7	Cống Cỏ Đam	0,567	0,559	0,350	0,492
8	Cống Vĩnh Trị	0,482	0,855	0,249	0,529
9	Đầu kênh T3	0,831	1,018	0,319	0,723
10	Đầu kênh C9	4,040	0,179	0,591	1,603
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	0,458	0,932	0,334	0,575
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,326	0,552	0,350	0,409
13	Đầu kênh CG16	1,142	1,088		
14	Đập La Chợ	0,443	0,474	0,280	0,399
15	Đầu kênh S48	1,453	3,263	0,280	1,665
16	Đập Vùa (CG12)	0,816	0,559	0,497	0,624
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0,614	1,142	0,536	0,764
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1,368	0,629	0,357	0,785
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	3,660	0,583	0,482	1,575
20	Đầu kênh T6	0,676	0,350	0,435	0,487
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		<b>0,9</b>	<b>0,9</b>	<b>0,9</b>	<b>0,9</b>

Chỉ tiêu DO đợt 2 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

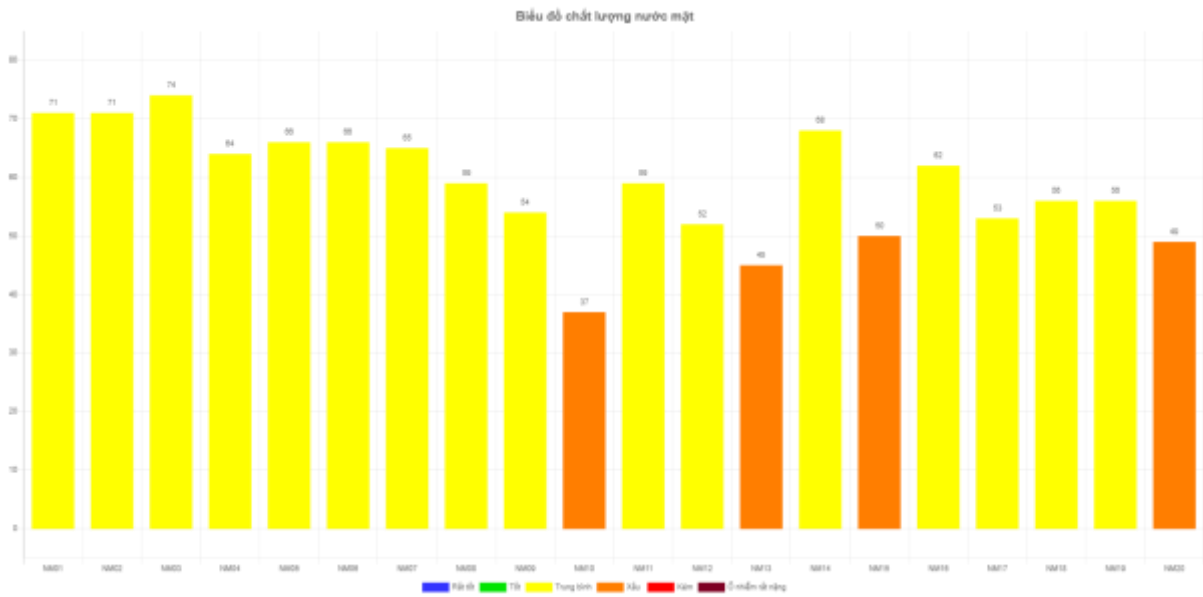
Chỉ tiêu NO<sub>3</sub><sup>-</sup> đợt 2 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi trừ các vị trí Đầu kênh C9 và C19.

Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> đợt 2 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

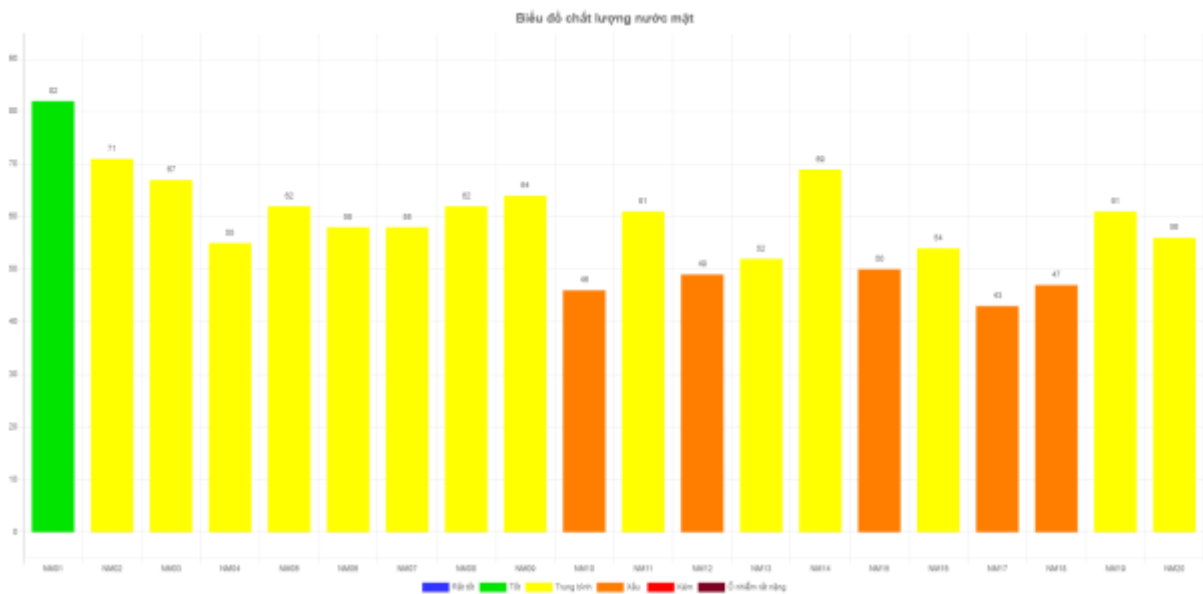
Chỉ tiêu NH<sub>4</sub><sup>+</sup> đợt 2 tháng 5 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

### 3. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

#### Bản đồ giá trị WQI của đợt 2 tháng 5 năm 2023



#### Bản đồ giá trị WQI của đợt 1 tháng 5 năm 2023



Kết quả tính toán WQI vào đợt 2 tháng 5 năm 2023 tại 20 vị trí khảo sát có thể thấy chất lượng nước Đ2T5 năm 2023 kém hơn so với thời điểm khảo sát trước đó vào Đ1T5. Chỉ số WQI đợt này có 16 vị trí cho nước đạt loại III (100-51) đủ điều kiện cấp cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, 4 vị trí cho nước đạt loại IV (50-26) đủ điều kiện cấp cho mục đích giao thông thủy.

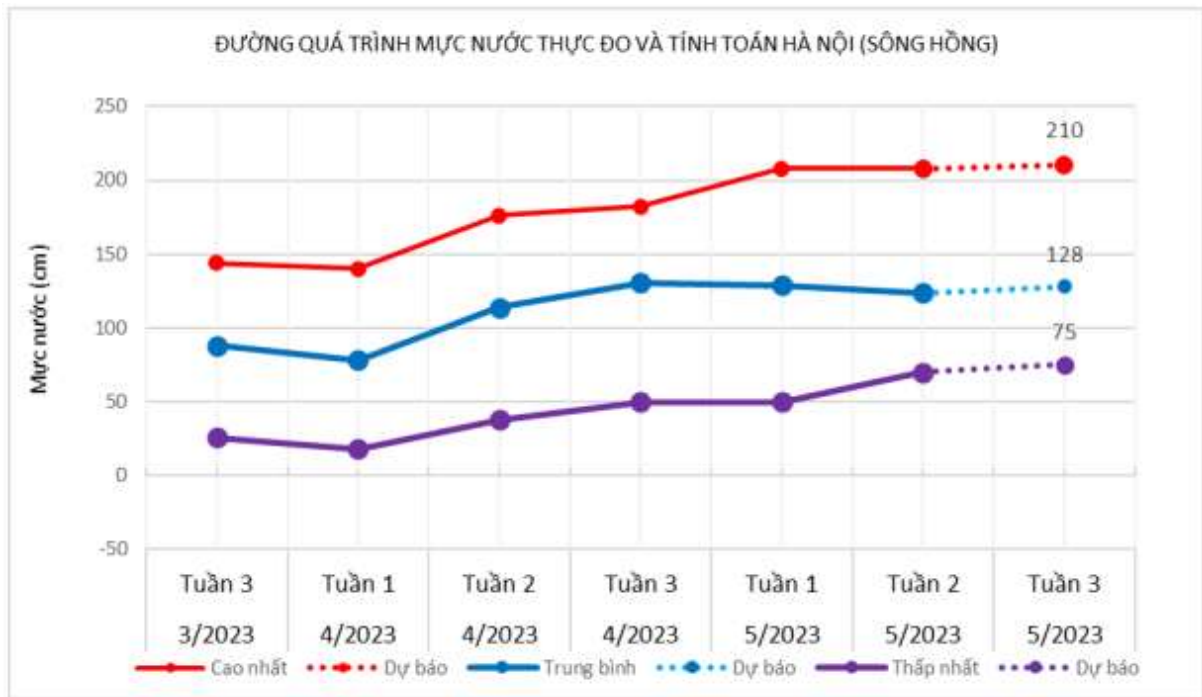
## II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 24/05/2023 đến ngày 30/05/2023

### 1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tại Hà Nam từ 24 – 26 có mưa rào, 27 – 28 không mưa, 29 có mưa rào và 30 không có mưa.

Dự báo tại Nam Định từ 24 – 26 có mưa rào, 27 – 30 không có mưa.

Trong 11 ngày qua, hạ lưu hệ thống sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm. Trong 10 ngày tới, mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng sẽ tiếp tục biến đổi chậm.



## 2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		24/05	25/05	26/05	27/05	28/05	29/05	30/05	
Cống Như Trác	5.19	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	≥ 4
Cống Hữu Bị	5.49	5,474	5,493	5,517	5,542	5,568	5,594	5,618	≥ 4
Cống Cốc Thành	5.7	5,399	5,426	5,453	5,471	5,483	5,491	5,497	≥ 4
Cống sông Chanh	4.1	4,413	4,428	4,441	4,457	4,474	4,490	4,504	≥ 4
Cống Nhâm Tràng	4.72	4,704	4,704	4,704	4,704	4,704	4,704	4,704	≥ 4
Cống Kinh Thanh	5.8	6,114	6,100	6,083	6,067	6,050	6,033	6,016	≥ 4
Cống Cỏ Đam	4.97	4,944	4,939	4,937	4,936	4,936	4,938	4,942	≥ 4
Cống Vĩnh Trị	5.32	5,779	5,811	5,838	5,861	5,881	5,898	5,914	≥ 4
Đầu kênh T3	4.3	4,434	4,546	4,631	4,684	4,719	4,745	4,767	≥ 4
Đầu kênh C9	5.1	4,974	4,946	4,997	5,036	5,070	5,101	5,130	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	5.5	5,329	5,328	5,328	5,333	5,342	5,354	5,369	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	5.61	6,122	6,137	6,155	6,175	6,197	6,219	6,242	≥ 4
Đầu kênh CG 16	4.05	4,650	4,650	4,650	4,650	4,650	4,650	4,650	≥ 4
Đập La Chợ	5.19	5,457	5,475	5,498	5,524	5,549	5,573	5,596	≥ 4
Đầu kênh S48	4.7	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	4.79	4,776	4,806	4,823	4,836	4,846	4,854	4,861	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	4.5	4,321	4,343	4,365	4,388	4,410	4,432	4,453	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5.01	4,965	4,977	4,990	5,003	5,016	5,028	5,039	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	4.8	5,045	5,049	5,058	5,040	5,098	5,041	5,075	≥ 4
Đầu kênh T6	5.6	5,400	5,453	5,505	5,539	5,560	5,575	5,587	≥ 4

<b>NO<sub>3</sub><sup>-</sup></b>									<b>B1- QCVN 08- 2015</b>
<b>Vị trí</b>	<b>Thực đo</b>	<b>Tuần dự báo</b>							
		<b>24/05</b>	<b>25/05</b>	<b>26/05</b>	<b>27/05</b>	<b>28/05</b>	<b>29/05</b>	<b>30/05</b>	
Cổng Như Trác	1.013	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179	≤ 10
Cổng Hữu Bị	1.598	1,436	1,414	1,384	1,349	1,312	1,275	1,241	≤ 10
Cổng Cốc Thành	2.835	3,161	3,129	3,105	3,093	3,087	3,084	3,081	≤ 10
Cổng sông Chanh	1.530	1,656	1,674	1,939	1,919	1,902	1,889	1,878	≤ 10
Cổng Nhâm Tràng	3.623	3,904	3,904	3,904	3,904	3,904	3,904	3,904	≤ 10
Cổng Kinh Thanh	3.263	3,128	3,170	3,213	3,257	3,300	3,343	3,385	≤ 10
Cổng Cỏ Đam	2.385	2,420	2,435	2,447	2,456	2,463	2,468	2,471	≤ 10
Cổng Vĩnh Trị	1.958	1,498	1,457	1,422	1,392	1,369	1,350	1,334	≤ 10
Đầu kênh T3	3.060	2,975	2,877	2,814	2,785	2,771	2,761	2,750	≤ 10
Đầu kênh C9	15.075	15,699	15,580	15,500	15,440	15,390	15,346	15,305	≤ 10
Cầu đường 10 với sông Sắt	1.598	2,065	2,078	2,093	2,101	2,103	2,098	2,089	≤ 10
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0.788	1,239	1,225	1,204	1,179	1,151	1,121	1,090	≤ 10
Đầu kênh CG 16	1.463	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	≤ 10
Đập La Chợ	2.295	2,521	2,498	2,465	2,429	2,391	2,356	2,323	≤ 10
Đầu kênh S48	4.635	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	≤ 10
Đập Vùa (CG12)	2.003	1,917	1,868	1,839	1,818	1,803	1,790	1,779	≤ 10
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3.060	2,836	2,805	2,773	2,741	2,709	2,678	2,648	≤ 10
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1.935	1,820	1,709	1,595	1,281	1,268	1,256	1,245	≤ 10
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	11.475	11,164	11,155	11,089	11,034	11,998	11,972	11,950	≤ 10
Đầu kênh T6	1.395	1,118	1,059	1,015	1,993	1,983	1,977	1,972	≤ 10

<b>BOD<sub>5</sub></b>									<b>B1- QCVN 08- 2015</b>
<b>Vị trí</b>	<b>Thực đo</b>	<b>Tuần dự báo</b>							
		<b>24/05</b>	<b>25/05</b>	<b>26/05</b>	<b>27/05</b>	<b>28/05</b>	<b>29/05</b>	<b>30/05</b>	
Cống Như Trác	15,300	13,513	13,513	13,513	13,513	13,513	13,513	13,513	≤ 15
Cống Hữu Bị	17,800	17,256	17,181	17,069	16,931	16,781	16,629	16,482	≤ 15
Cống Cốc Thành	15,500	18,186	17,848	17,560	17,383	17,283	17,223	17,181	≤ 15
Cống sông Chanh	21,900	23,109	23,067	23,054	22,996	22,899	22,792	22,694	≤ 15
Cống Nhâm Tràng	17,600	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	≤ 15
Cống Kinh Thanh	20,400	24,909	24,058	24,214	24,372	24,531	24,688	24,840	≤ 15
Cống Cỏ Đam	22,700	16,838	16,909	16,972	17,025	17,069	17,106	17,136	≤ 15
Cống Vĩnh Trị	20,300	16,487	16,537	16,567	16,593	16,618	16,643	16,665	≤ 15
Đầu kênh T3	21,900	16,633	15,490	14,656	14,166	13,881	13,696	13,561	≤ 15
Đầu kênh C9	25,400	28,240	28,808	28,525	28,312	28,134	28,975	28,825	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt	21,900	26,141	26,175	26,212	26,237	26,246	26,242	26,227	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)	24,700	21,646	21,598	21,523	21,430	21,325	21,213	21,095	≤ 15
Đầu kênh CG 16	28,400	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	≤ 15
Đập La Chợ	18,700	22,587	22,501	22,367	22,211	22,054	22,904	22,765	≤ 15
Đầu kênh S48	34,400	35,700	35,700	35,700	35,700	35,700	35,700	35,700	≤ 15
Đập Vùa (CG12)	27,900	31,134	30,892	30,751	30,656	30,584	30,526	30,476	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	30,500	34,000	34,883	34,760	34,629	34,497	34,367	34,242	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	20,800	23,549	23,530	23,505	23,479	23,457	23,438	23,424	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	23,900	26,566	27,903	25,018	24,323	23,846	23,515	23,271	≤ 15
Đầu kênh T6	23,800	27,844	27,200	26,665	26,338	26,152	26,039	25,960	≤ 15

NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		24/05	25/05	26/05	27/05	28/05	29/05	30/05	
Cống Như Trác	0.319	0,358	0,358	0,358	0,358	0,358	0,358	0,358	≤ 0,9
Cống Hữu Bị	0.466	0,414	0,416	0,315	0,312	0,307	0,302	0,297	≤ 0,9
Cống Cốc Thành	0.350	0,489	0,473	0,466	0,464	0,465	0,466	0,467	≤ 0,9
Cống sông Chanh	0.668	0,594	0,603	0,614	0,622	0,627	0,630	0,632	≤ 0,9
Cống Nhâm Tràng	0.559	0,573	0,573	0,573	0,573	0,573	0,573	0,573	≤ 0,9
Cống Kinh Thanh	0.808	0,848	0,859	0,871	0,882	0,894	0,805	0,817	≤ 0,9
Cống Cỏ Đam	0.567	0,666	0,675	0,684	0,692	0,701	0,709	0,717	≤ 0,9
Cống Vĩnh Trị	0.482	0,473	0,485	0,493	0,500	0,507	0,513	0,520	≤ 0,9
Đầu kênh T3	0.831	0,723	0,696	0,684	0,684	0,688	0,692	0,696	≤ 0,9
Đầu kênh C9	4.040	4,099	4,172	4,256	4,345	4,436	4,629	4,623	≤ 0,9
Cầu đường 10 với sông Sắt	0.458	0,474	0,477	0,485	0,492	0,499	0,405	0,410	≤ 0,9
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0.326	0,581	0,582	0,581	0,579	0,576	0,572	0,567	≤ 0,9
Đầu kênh CG 16	1.142	1,160	1,160	1,160	1,160	1,160	1,160	1,160	≤ 0,9
Đập La Chợ	0.443	0,360	0,361	0,357	0,351	0,345	0,338	0,332	≤ 0,9
Đầu kênh S48	1.453	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	≤ 0,9
Đập Vùa (CG12)	0.816	0,815	0,899	0,890	0,885	0,881	0,877	0,875	≤ 0,9
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0.614	0,469	0,465	0,460	0,455	0,449	0,444	0,438	≤ 0,9
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1.368	1,647	1,654	1,660	1,666	1,673	1,679	1,685	≤ 0,9
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	3.660	3,644	3,664	3,665	3,667	3,671	3,675	3,678	≤ 0,9
Đầu kênh T6	0.676	0,845	0,818	0,806	0,804	0,805	0,807	0,809	≤ 0,9

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO<sub>3</sub><sup>-</sup> trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí kênh C9 và C19.

Vị trí có hàm lượng BOD<sub>5</sub> trong kỳ dự báo đạt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT là Cổng Như Trác.

Kết quả dự báo NH<sub>4</sub><sup>+</sup> trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ các vị trí Đầu kênh C9, CG 16, S48, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C19.

### **III. Các đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Nhận xét**

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo nhiều hơn so với tuần 16.

#### **2. Đề xuất**

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống. Mở các cống Hữu Bị, Cốc Thành, Sông Chanh tiêu nước ra sông.

#### **3. Dự báo chung**

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ giảm. Hàm lượng các thông số như BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup> sẽ có xu hướng giảm, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng tăng./.

*Nơi nhận:*

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

- Cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.